BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP (BỔ SUNG NĂM 2023)

Ban hành kèm theo Quyết định số: 954 /QĐ-ĐHNCT ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Nam Cần Thơ
về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho sinh viên bậc Đại học hệ chính quy

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
1	191305	Lý Thị Tuyết	Linh	Nữ	04/12/2001	Kiên Giang	19QTK-TT	Quản trị kinh doanh	7.55	Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
2	199025	Phùng Yến	Linh	Nữ	04/06/2001	Sóc Trăng	19QTK-TT	Quản trị kinh doanh	7.60	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
3	191948	Nguyễn Phương Thảo	Uyên	Nữ	18/09/2001	Cần Thơ	19QTK-TT	Quản trị kinh doanh	7.52	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
4	199891	Bùi Thị	Lanh	Nữ	16/01/2001	Kiên Giang	19XET-TT	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.63	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
5	199770	Bùi Thị Thùy	My	Nữ	01/04/2001	An Giang	19XET-TT	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.44	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
6	190727	Trần Văn	Nhật	Nam	01/04/2001	Cần Thơ	19XET-TT	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.29	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
7	151813	Trần Minh	Nhựt	Nam	29/06/1997	Đồng Tháp	DH15DUO01	Dược học	6.55	TB Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
8	151377	Lý Chí	Luân	Nam	20/08/1993	Cà Mau	DH15LKT02	Luật kinh tế	7.17	Khá	76	Khá	Đạt	HTKH	Đạt	Đạt	Cử nhân
9	165703	Nguyễn Thái	Bình	Nam	23/06/1998	Sóc Trăng	DH16QTK01	Quản trị kinh doanh	6.76	TB Khá	75	Khá	Đạt	HTKH	Đạt	Đạt	Cử nhân
10	166049	Huỳnh Tấn	Dũng	Nam	12/01/1997	Cần Thơ	DH16TIN02	Công nghệ thông tin	7.12	Khá	80	Khá	Đạt	Miễn	Đạt	Đạt	Kỹ sư
11	166026	Phạm Công	Danh	Nam	29/09/1998	Tp. Hồ Chí Minh	DH16XDU01	Kỹ thuật công trình xây dựng	6.79	TB Khá	72	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
12	166855	Phan Hoài	Phong	Nam	29/09/1998	Cần Thơ	DH16XDU01	Kỹ thuật công trình xây dựng	7.04	Khá	70	Khá	Đạt	HTKH	Đạt	Đạt	Kỹ sư
13	177913	Saphy	Musa	Nam	23/09/1997	An Giang	DH17CNT01	Công nghệ thực phẩm	6.58	TB Khá	77	Khá	HTKH	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
14	177984	Nguyễn Đặng Phúc	Nguyên	Nam	02/08/1999	Lâm Đồng	DH17DUO04	Dược học	6.56	TB Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
15	176664	Nguyễn Phúc	Duy	Nam	21/09/1999	Hậu Giang	DH17DUO06	Dược học	6.62	TB Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
16	177582	Trần Minh Ngọc	Linh	Nam	28/12/1998	Long An	DH17DUO06	Dược học	6.26	TB Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
17	176101	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	07/01/1998	Hậu Giang	DH17DUO06	Dược học	6.40	TB Khá	65	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
18	177513	Phan Thành	Nam	Nam	07/08/1999	An Giang	DH17KTR01	Kiến trúc	7.54	Khá	72	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kiến trúc sư
19	177996	Huỳnh Ngọc	Hãi	Nam	01/01/1999	Sóc Trăng	DH17LKT01	Luật kinh tế	6.77	TB Khá	65	Khá	HTKH	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
20	177527	Đoàn Thảo	Ngân	Nữ	15/09/1999	An Giang	DH17LKT01	Luật kinh tế	7.71	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
21	176547	Lê Trường	Giang	Nam	19/09/1997	Trà Vinh	DH17LKT02	Luật kinh tế	7.07	Khá	76	Khá	HTKH	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
22	176507	Nguyễn Hoàng	Lương	Nam	10/07/1999	Vĩnh Long	DH17OTO02	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.50	TB Khá	71	Khá	HTKH	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
23	178232	Ngô Trọng	Cần	Nam	20/06/1999	Bạc Liêu	DH17OTO03	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7.06	Khá	65	Khá	HTKH	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
24	176994	Lê Tuấn	Anh	Nam	04/03/1999	Bạc Liêu	DH17OTO04	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.68	TB Khá	60	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
25	176913	Trần Minh	Khang	Nam	18/06/1999	Kiên Giang	DH17OTO04	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.99	TB Khá	71	Khá	HTKH	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
26	176926	Nguyễn Quốc	Kỳ	Nam	26/04/1999	Kiên Giang	DH17OTO04	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.92	TB Khá	62	Trung bình	HTKH	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
27	175838	Bùi Phát	Tấn	Nam	21/10/1999	Trà Vinh	DH17OTO04	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.98	TB Khá	73	Khá	Đạt	HTKH	Đạt	Đạt	Kỹ sư
28	176712	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	09/11/1999	Cần Thơ	DH17QHC01	Quan hệ công chúng	6.89	TB Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
29	176700	Lê Đặng	Toàn	Nam	03/11/1999	Cần Thơ	DH17QLD01	Quản lý đất đai	6.25	TB Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
30	176732	Thái Ngọc	Bích	Nữ	08/12/1999	Cần Thơ	DH17QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.30	Khá	64	Trung bình	đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
31	177456	Tiêu Hữu	Phước	Nam	02/10/1999	0	DH17QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6.93	TB Khá	61	Trung bình	đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
32	178004	Trần Phan	Kha	Nam	16/10/1998	Sóc Trăng	DH17QTK01	Quản trị kinh doanh	5.91	Trung bình	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
33	177126	Lê Thị Diễm	Trinh	Nữ	20/04/1999	An Giang	DH17QTK01	Quản trị kinh doanh	7.34	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
34	177719	Hồ Tuấn	Anh	Nam	01/08/1999	Cà Mau	DH17XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.47	Khá	77	Khá	Đạt	HTKH	Đạt	Đạt	Cử nhân
35	178053	Tống Hòa	Uyên	Nữ	25/10/1999	Kiên Giang	DH17XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.07	Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
36	180287	Lý Ngọc	Hà	Nữ	04/07/2000	Sóc Trăng	DH18CNT01	Công nghệ thực phẩm	7.28	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
37	180173	Lý Thu	An	Nữ	10/11/2000	Cà Mau	DH18DUO01	Dược học	6.71	TB Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
38	180456	Trần Thái Trúc	Anh	Nữ	04/02/2000	Cần Thơ	DH18DUO01	Dược học	6.68	TB Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
39	1810201	Đoàn Trần Đức	Lợi	Nam	28/11/2000	An Giang	DH18DUO01	Dược học	6.99	TB Khá	65	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
40	180448	Võ Hoàng	Phú	Nam	01/11/1999	Kiên Giang	DH18DUO01	Dược học	6.57	TB Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
41	180261	Võ Trần Phước	Sang	Nam	06/12/2000	An Giang	DH18DUO01	Dược học	6.74	TB Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
42	1810416	Nguyễn Hồ Ý	Thơ	Nữ	02/10/1996	Hậu Giang	DH18DUO01	Dược học	7.12	Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
43	180092	Vương Thúy	Vi	Nữ	01/01/2000	Trà Vinh	DH18DUO01	Dược học	6.85	TB Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
44	189755	Nguyễn Thiên	Bảo	Nam	30/06/2000	Cần Thơ	DH18DUO02	Dược học	6.70	TB Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
45	1810350	Đỗ Xuân	Hà	Nữ	12/08/2000	Cà Mau	DH18DUO02	Dược học	7.93	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
46	1810193	Nguyễn Hoàng Hoa	Mỹ	Nữ	22/06/1999	Kiên Giang	DH18DUO02	Dược học	7.16	Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
47	1810426	Đặng Trúc Thiên	Ngân	Nữ	21/04/2000	Kiên Giang	DH18DUO02	Dược học	7.57	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
48	1810216	Nguyễn Ngọc	Nhiên	Nữ	09/09/2000	Bạc Liêu	DH18DUO02	Dược học	7.22	Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
49	189929	Lê	Thành	Nam	10/01/2000	Đồng Tháp	DH18DUO02	Dược học	6.81	TB Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
50	189845	Nguyễn Dương	Thông	Nam	31/07/2000	Sóc Trăng	DH18DUO02	Dược học	6.82	TB Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
51	1810428	Hồ Quốc	Trung	Nam	22/12/2000	Cà Mau	DH18DUO02	Dược học	7.87	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
52	1810909	Phan Duy	Vũ	Nam	13/09/2000	Long An	DH18DUO02	Dược học	6.56	TB Khá	54	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
53	180905	Đàm Thị Vân	Anh	Nữ	13/01/2000	Nam Định	DH18DUO03	Dược học	6.74	TB Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
54	188243	Lê Hoàng	Tùng	Nam	15/11/2000	Bến Tre	DH18DUO03	Dược học	6.50	TB Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
55	188187	Đặng Thế	Vĩ	Nam	25/10/1996	Đồng Tháp	DH18DUO03	Dược học	7.86	Khá	88	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
56	188223	Hồ Trọng	Vũ	Nam	02/01/2000	Tiền Giang	DH18DUO03	Dược học	7.16	Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
57	180772	Bùi Quang	Nhạc	Nam	19/04/2000	Đồng Tháp	DH18DUO04	Dược học	6.55	TB Khá	60	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
58	188492	Huỳnh Quang	Nhật	Nam	13/11/2000	Trà Vinh	DH18DUO04	Dược học	7.41	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
59	180754	Lâm Yến	Nhi	Nữ	13/09/2000	Sóc Trăng	DH18DUO04	Dược học	6.30	TB Khá	59	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
60	188366	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	10/02/2000	Kiên Giang	DH18DUO04	Dược học	6.45	TB Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
61	180581	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	01/02/2000	Hậu Giang	DH18DUO04	Dược học	6.20	TB Khá	58	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
62	180838	Khưu Minh	Quân	Nam	29/10/2000	Sóc Trăng	DH18DUO04	Dược học	6.53	TB Khá	59	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
63	180565	Trần Thị Minh	Thư	Nữ	12/08/2000	Đồng Tháp	DH18DUO04	Dược học	7.12	Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
64	188927	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	06/05/2000	Cần Thơ	DH18DUO05	Dược học	6.49	TB Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
65	188922	Võ Quang	Huy	Nam	06/11/2000	Cà Mau	DH18DUO05	Dược học	6.45	TB Khá	58	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
66	180504	Đỗ Thị Duy	Khánh	Nữ	05/10/2000	Bến Tre	DH18DUO05	Dược học	6.98	TB Khá	64	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
67	180658	Huỳnh Trúc	Linh	Nữ	14/05/2000	Cần Thơ	DH18DUO05	Dược học	6.82	TB Khá	63	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
68	188939	Trần Thanh	Ngân	Nữ	17/04/2000	Cà Mau	DH18DUO05	Dược học	7.14	Khá	63	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
69	188732	Lê Thị Yến	Nhi	Nữ	30/08/2000	Trà Vinh	DH18DUO05	Dược học	6.82	TB Khá	54	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
70	188781	Nguyễn Thị	Thơm	Nữ	02/01/2000	Đồng Tháp	DH18DUO05	Dược học	7.06	Khá	64	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
71	188883	Hồ Hoàng Thúy	Vy	Nữ	10/04/2000	Vĩnh Long	DH18DUO05	Dược học	6.85	TB Khá	58	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
72	189133	Bùi Thị Mộng	Cầm	Nữ	24/06/2000	Cà Mau	DH18DUO06	Dược học	6.85	TB Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
73	189461	Võ Trần Khả	Di	Nữ	25/08/2000	Sóc Trăng	DH18DUO06	Dược học	7.43	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
74	180870	Thái Mạnh	Hào	Nam	23/11/2000	Cần Thơ	DH18DUO06	Dược học	6.07	TB Khá	58	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
75	189323	Trần Thị Huỳnh	Ngân	Nữ	01/12/2000	Hậu Giang	DH18DUO06	Dược học	7.83	Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
76	189086	Bùi Phong	Thiên	Nam	24/03/1999	Cần Thơ	DH18DUO06	Dược học	7.11	Khá	62	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Dược sĩ
77	188174	Trương Minh	Đang	Nam	26/09/2000	Cà Mau	DH18HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.13	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
78	188665	Lê Cao Gia	Minh	Nam	29/05/2000	Cần Thơ	DH18HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.19	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
79	188937	Võ Thị Kim	Tho	Nữ	18/07/2000	Kiên Giang	DH18KTO02	Kế toán	6.70	TB Khá	72	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
80	188791	Mai Nhật	Hào	Nam	21/01/2000	Bạc Liêu	DH18KTR01	Kiến trúc	6.79	TB Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kiến trúc sư
81	188597	Nguyễn Văn	Kết	Nam	22/11/2000	Cần Thơ	DH18KTR01	Kiến trúc	7.13	Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kiến trúc sư
82	1810590	Phan Quang	Khải	Nam	28/02/2000	Cần Thơ	DH18KTR01	Kiến trúc	7.22	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kiến trúc sư
83	188727	Trần Minh	Quân	Nam	10/04/2000	An Giang	DH18KTR01	Kiến trúc	7.99	Khá	84	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kiến trúc sư
84	1810288	Cao Lê	Sâm	Nữ	30/07/2000	Tây Ninh	DH18KTR01	Kiến trúc	8.09	Giỏi	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kiến trúc sư
85	189149	Trần Anh	Tân	Nam	09/01/2000	Vĩnh Long	DH18KTR01	Kiến trúc	8.01	Giỏi	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kiến trúc sư
86	1810277	Nguyễn Thành	Trung	Nam	05/11/2000	Trà Vinh	DH18KTR01	Kiến trúc	7.10	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kiến trúc sư
87	180929	Nguyễn Sin	Cô	Nam	11/08/2000	Cà Mau	DH18LKT01	Luật kinh tế	6.57	TB Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
88	180494	Huỳnh Thanh	Ngân	Nữ	27/09/1999	Tiền Giang	DH18LKT01	Luật kinh tế	6.46	TB Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
89	188458	Nguyễn Xuân	Trúc	Nữ	16/07/2000	Vĩnh Long	DH18LKT01	Luật kinh tế	8.13	Giỏi	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
90	188955	Ngô Tuấn	Kiệt	Nam	25/11/1998	Bạc Liêu	DH18LKT02	Luật kinh tế	7.24	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
91	189123	Nguyễn Thị Kiều	Ngân	Nữ	03/12/1999	Đồng Tháp	DH18LKT02	Luật kinh tế	7.30	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
92	189124	Vương Vũ Thanh	Nhàn	Nữ	28/05/2000	Cà Mau	DH18LKT02	Luật kinh tế	7.65	Khá	58	Trung Bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
93	1810265	Dương Minh	Phú	Nam	04/10/2000	Cà Mau	DH18LKT02	Luật kinh tế	7.37	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
94	189419	Phạm Mã Thanh	Thanh	Nữ	04/03/2000	Cà Mau	DH18LKT02	Luật kinh tế	7.26	Khá	56	Trung Bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
95	180738	Thị Bích	Châm	Nữ	22/12/2000	Bạc Liêu	DH18LUA01	Luật	7.47	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
96	1810014	Võ Thiếu	Tá	Nữ	11/08/2000	An Giang	DH18LUA01	Luật	7.09	Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
97	180293	Lê Trần Ngọc	Thảo	Nữ	23/05/1999	Cần Thơ	DH18LUA01	Luật	7.34	Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
98	1810722	Trần Thị Như	Ý	Nữ	07/03/2000	Bạc Liêu	DH18LUA01	Luật	7.40	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
99	189503	Dương Ngọc	Diễn	Nam	04/10/2000	Kiên Giang	DH18LUA02	Luật	7.27	Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
100	189049	Phạm Thị	Hằng	Nữ	10/07/1999	Kiên Giang	DH18LUA02	Luật	6.53	TB Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
101	189514	Lê Anh	Kiệt	Nam	26/05/2000	Đồng Tháp	DH18LUA02	Luật	7.17	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
102	1810663	Tô Kim	Ngọc	Nữ	20/12/2000	Cần Thơ	DH18LUA02	Luật	6.81	TB Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
103	189171	Hồ Thanh	Nhân	Nam	17/10/2000	Kiên Giang	DH18LUA02	Luật	7.09	Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
104	189742	Nguyễn Nhật	Anh	Nam	25/02/1999	An Giang	DH18OTO01	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.35	TB Khá	65	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
105	180266	Lý Nam	Đường	Nam	18/05/2000	An Giang	DH18OTO01	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.51	TB Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
106	180618	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	24/01/2000	Trà Vinh	DH18OTO02	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7.20	Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
107	180596	Ngô Minh	Hào	Nam	09/09/2000	Kiên Giang	DH18OTO02	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7.18	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
108	1810093	Võ Phi	Hùng	Nam	10/12/2000	Cần Thơ	DH18OTO02	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.68	TB Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
109	180734	Trần Thanh	Đảm	Nam	30/07/2000	Bến Tre	DH18OTO03	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7.04	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
110	180795	Nguyễn Minh	Đầy	Nam	12/08/2000	An Giang	DH18OTO03	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.01	TB Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
111	189702	Nguyễn Minh	Điền	Nam	07/08/2000	Cà Mau	DH18OTO03	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.95	TB Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
112	180878	Nguyễn Khắc	Huy	Nam	23/05/2000	Bạc Liêu	DH18OTO03	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.75	TB Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
113	189146	Hồ Chí	Hiện	Nam	20/10/1999	Cà Mau	DH18OTO04	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.51	TB Khá	60	Trung Bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
114	188379	Hồ Vĩnh	Khang	Nam	07/03/2000	Sóc Trăng	DH18OTO04	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7.28	Khá	92	Xuất Sắc	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
115	188179	Lâm Bình	Quan	Nam	16/03/2000	Trà Vinh	DH18OTO04	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.96	TB Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
116	188233	Nguyễn Minh	Quân	Nam	26/05/2000	Bình Định	DH18OTO04	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.92	TB Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
117	188184	Trần Hoàng	Tuấn	Nam	14/01/2000	Đồng Tháp	DH18OTO04	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.90	TB Khá	64	Trung Bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
118	188753	Lê Nhật	Linh	Nam	18/11/1999	Cà Mau	DH18OTO05	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7.99	Khá	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
119	188636	Trần Văn	Qúi	Nam	04/01/2000	Hậu Giang	DH18OTO05	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.63	TB Khá	58	Trung Bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
120	188945	Trần Lê Gia	Huy	Nam	07/08/1999	Trà Vinh	DH18OTO06	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.39	TB Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
121	1810418	Lâm Nhật	Ảnh	Nữ	25/10/2000	Bạc Liêu	DH18QHC01	Quan hệ công chúng	7.36	Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
122	189228	Phạm Anh	Khoa	Nam	09/11/2000	Trà Vinh	DH18QLT01	Quản lý tài nguyên và môi trường	6.99	TB Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
123	180202	Nguyễn Trần Thảo	Quỳnh	Nữ	11/01/2000	An Giang	DH18QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.38	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
124	180307	Thạch	Thái	Nam	27/04/2000	Vĩnh Long	DH18QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.50	Khá	83	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
125	180619	Nguyễn Huyền	Trân	Nữ	21/08/1999	Cà Mau	DH18QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.07	Giỏi	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
126	189802	Võ Ngọc	Trinh	Nữ	31/10/2000	Cà Mau	DH18QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.91	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
127	1810602	Nguyễn Trọng	Hiếu	Nam	13/10/2000	Cà Mau	DH18QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6.82	TB Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
128	1810315	Trần Tiến	Đạt	Nam	29/07/2000	Cần Thơ	DH18QTD03	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6.95	TB Khá	62	Trung Bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
129	189569	Phan Lâm Chí	Tường	Nam	16/12/2000	Cần Thơ	DH18QTK02	Quản trị kinh doanh	6.88	TB Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
130	180936	Lê Hà Khánh	Vy	Nữ	12/11/2000	Cần Thơ	DH18QTK02	Quản trị kinh doanh	7.51	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
131	1810413	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	19/01/2000	Hậu Giang	DH18QTK03	Quản trị kinh doanh	6.83	TB Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
132	188889	Phạm Hoàng	Thuận	Nam	22/10/2000	Cần Thơ	DH18QTK04	Quản trị kinh doanh	7.88	Khá	85	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
133	188861	Ngô Đình	Nghĩa	Nam	27/12/2000	Hậu Giang	DH18TCN01	Tài chính - Ngân hàng	6.71	TB Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
134	180578	Châu Nhuận	Phát	Nam	06/12/2000	Cà Mau	DH18TCN01	Tài chính - Ngân hàng	6.32	TB Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
135	180631	Cao Hoàng	Nhu	Nam	09/02/2000	Cần Thơ	DH18TIN01	Công nghệ thông tin	6.91	TB Khá	74	Khá	Đạt	Miễn	Đạt	Đạt	Kỹ sư
136	180843	Võ Quốc	Khải	Nam	27/07/2000	Cà Mau	DH18TIN02	Công nghệ thông tin	6.01	TB Khá	71	Khá	Đạt	Miễn	Đạt	Đạt	Kỹ sư
137	189067	Lê Tài	Danh	Nam	19/11/2000	Kiên Giang	DH18XDU01	Kỹ thuật xây dựng	8.11	Giỏi	86	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
138	188962	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	03/10/2000	Bến Tre	DH18XDU01	Kỹ thuật xây dựng	7.61	Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
139	180864	Nguyễn Thanh	Nhân	Nam	02/09/2000	An Giang	DH18XDU01	Kỹ thuật xây dựng	7.26	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
140	189412	Trần Minh	Sang	Nam	07/09/2000	Cà Mau	DH18XDU01	Kỹ thuật xây dựng	7.61	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
141	188663	Nguyễn Văn	Sinh	Nam	05/08/2000	An Giang	DH18XDU01	Kỹ thuật xây dựng	6.89	TB Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
142	188789	Lương Minh	Tính	Nam	11/05/2000	Trà Vinh	DH18XDU01	Kỹ thuật xây dựng	6.99	TB Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Kỹ sư
143	189314	Nguyễn Thành	Luân	Nam	11/03/2000	Vĩnh Long	DH18XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.29	Khá	72	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
144	188947	Lê Trần Công	Sơn	Nam	11/01/2000	Tiền Giang	DH18XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.56	TB Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
145	1810773	Trần Nguyên Phương	Thảo	Nữ	03/12/2000	Đồng Tháp	DH18XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.62	TB Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
146	188589	Lê Ngọc	Vy	Nữ	19/09/2000	Cà Mau	DH18XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.97	TB Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
147	1810266	Lê Thị Diệu	Hiền	Nữ	23/10/2000	Trà Vinh	DH18XET03	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.24	Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
148	1810001	Võ Kiều	Lam	Nữ	28/08/2000	Cà Mau	DH18XET03	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.10	Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
149	190316	Nguyễn Thị Hồng	Anh	Nữ	10/06/2001	Hậu Giang	DH19CNT01	Công nghệ thực phẩm	8.18	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
150	191616	Trịnh Thanh	Bình	Nam	02/01/2000	Cà Mau	DH19CNT01	Công nghệ thực phẩm	7.34	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
151	192357	Võ Thành	Công	Nam	11/04/2001	Cà Mau	DH19CNT01	Công nghệ thực phẩm	7.49	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
152	191731	Ngô Mộng	Đang	Nữ	09/05/2001	Cà Mau	DH19CNT01	Công nghệ thực phẩm	8.40	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
153	190266	Tạ Minh	Định	Nữ	21/11/2001	Kiên Giang	DH19CNT01	Công nghệ thực phẩm	7.90	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
154	190560	Trần Thanh	Luân	Nam	15/04/2000	Cà Mau	DH19CNT01	Công nghệ thực phẩm	6.97	TB Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
155	190327	Nguyễn Ngọc	Thoa	Nữ	13/12/2001	Đồng Tháp	DH19CNT01	Công nghệ thực phẩm	7.26	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
156	191664	Trần Khánh	Thường	Nam	21/03/2001	Cà Mau	DH19CNT01	Công nghệ thực phẩm	7.97	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
157	190301	Lê Thị	Trâm	Nữ	20/09/2001	Đồng Tháp	DH19CNT01	Công nghệ thực phẩm	7.34	Khá	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
158	190655	Lê Thúy	Vy	Nữ	08/03/2000	Cà Mau	DH19CNT01	Công nghệ thực phẩm	6.89	TB Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
159	191754	Nguyễn Thị Trà	My	Nữ	20/12/2001	Sóc Trăng	DH19CNT02	Công nghệ thực phẩm	7.51	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
160	199718	Phạm Thị Linh	Đan	Nữ	15/07/2001	Kiên Giang	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.87	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
161	192070	Thái Nhất	Duy	Nam	25/09/2001	Kiên Giang	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.72	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
162	191121	Phan Vũ	Hào	Nam	20/07/2001	Vĩnh Long	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.34	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
163	192249	Trần Trung	Hiếu	Nam	17/02/2001	Bến Tre	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.82	Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
164	1910101	Nguyễn Phú	Hưng	Nam	25/09/1998	Trà Vinh	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.21	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
165	191374	Nguyễn Thị Như	Huyền	Nữ	16/02/2001	Bạc Liêu	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	8.43	Giỏi	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
166	192051	Nguyễn Hoài	Linh	Nam	18/05/2001	Hậu Giang	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.03	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
167	190719	Tiêu Tấn	Lộc	Nam	28/02/2001	Cà Mau	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.27	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
168	190234	Mai Hùng	Minh	Nam	11/07/2001	An Giang	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.57	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
169	191860	Đặng Diễm	My	Nữ	09/09/2000	Cà Mau	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.45	Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
170	191634	Hồng Thu	Nguyệt	Nữ	17/09/2001	Sóc Trăng	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.38	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
171	199278	Huỳnh Hoàng	Nhiệm	Nam	19/09/2001	Hậu Giang	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.79	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
172	190160	Võ Văn	Phụng	Nam	22/12/2001	Đồng Tháp	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.50	Khá	88	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
173	199791	Tăng Hữu	Phước	Nam	07/12/2000	Bạc Liêu	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.55	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
174	190456	Nguyễn Tấn	Thành	Nam	16/08/2001	An Giang	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.58	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
175	198996	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	06/09/2001	Sóc Trăng	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	6.95	TB Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
176	190500	Trần Châu Hoàng	Thiên	Nam	08/07/2001	Trà Vinh	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	8.24	Giỏi	83	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
177	199232	Trịnh Ngọc Anh	Thơ	Nữ	06/11/2000	Bạc Liêu	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.93	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
178	190281	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	03/04/1997	Kiên Giang	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.73	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
179	191912	Bùi Ngọc	Trân	Nữ	04/01/2001	Vĩnh Long	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.85	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
180	199790	Lê Thị Hà	Trang	Nữ	06/01/2001	Bạc Liêu	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.44	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
181	199657	Nguyễn Hữu	Trí	Nam	03/05/2001	Bến Tre	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.85	Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
182	199893	Nguyễn Thị Minh	Trúc	Nữ	29/09/2001	Sóc Trăng	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.86	Khá	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
183	192370	Nguyễn Thị Mỹ	Tú	Nữ	22/12/2001	Cà Mau	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	8.46	Giỏi	86	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
184	191409	Lê Quang	Vinh	Nam	25/03/2001	Cần Thơ	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.00	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
185	190346	Nguyễn Phạm Đăng	Vy	Nữ	01/01/2001	Bạc Liêu	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.48	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
186	192472	Huỳnh Ngọc Như	Ý	Nữ	04/10/2001	Cần Thơ	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.91	Khá	92	Xuất sắc	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
187	199010	La Thị Như	Ý	Nữ	17/12/2001	Sóc Trăng	DH19HAY01	Kỹ thuật hình ảnh y học	7.79	Khá	87	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
188	199283	Phạm Thúy	Anh	Nữ	27/09/2001	Cần Thơ	DH19KTO01	Kế toán	7.55	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
189	191275	Nguyễn Thị	Đậm	Nữ	05/03/2001	Vĩnh Long	DH19KTO01	Kế toán	8.23	Giỏi	88	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
190	199908	Lê Thanh	Huệ	Nữ	04/05/2001	Hậu Giang	DH19KTO01	Kế toán	7.00	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
191	199416	Phan Thị Cẩm	Loan	Nữ	15/06/2001	An Giang	DH19KTO01	Kế toán	8.17	Giỏi	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
192	199449	Nguyễn Tiểu	My	Nữ	12/11/2001	Bạc Liêu	DH19KTO01	Kế toán	8.29	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
193	191053	Võ Huỳnh	Mỹ	Nữ	29/03/2001	Cần Thơ	DH19KTO01	Kế toán	6.71	TB Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
194	190310	Nguyễn Thanh Phương	Ngọc	Nam	20/10/2001	An Giang	DH19KTO01	Kế toán	7.13	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
195	190575	Mai Lê Như	Quỳnh	Nữ	22/04/2001	Kiên Giang	DH19KTO01	Kế toán	7.71	Khá	72	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
196	199872	Trần Trúc	Thảo	Nữ	04/03/2001	Hậu Giang	DH19KTO01	Kế toán	6.98	TB Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
197	190664	Đoàn Minh	Thư	Nữ	20/10/2001	Cà Mau	DH19KTO01	Kế toán	6.88	TB Khá	83	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
198	190581	Võ Thị Anh	Thư	Nữ	01/11/2001	Sóc Trăng	DH19KTO01	Kế toán	6.51	TB Khá	63	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
199	199398	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	Nữ	02/03/2001	Kiên Giang	DH19KTO01	Kế toán	7.13	Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
200	190831	Quách Mai	Trân	Nữ	05/01/2001	Cà Mau	DH19KTO01	Kế toán	7.14	Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
201	190074	Tô Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	13/08/2001	Đồng Tháp	DH19KTO01	Kế toán	8.01	Giỏi	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
202	198993	Nguyễn Thuận	An	Nam	17/12/1999	Sóc Trăng	DH19KTO02	Kế toán	7.91	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
203	199257	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26/05/2001	Cần Thơ	DH19KTO02	Kế toán	6.99	TB Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
204	199193	Lục Hiếu	Băng	Nữ	27/03/2001	Bạc Liêu	DH19KTO02	Kế toán	6.85	TB Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
205	199080	Nguyễn Thị Như	Hạnh	Nữ	12/02/2001	Cần Thơ	DH19KTO02	Kế toán	8.08	Giỏi	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
206	198928	Lê Thị Thanh	Ngân	Nữ	16/03/2001	Cần Thơ	DH19KTO02	Kế toán	7.09	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
207	192088	Võ Trung	Nghĩa	Nam	01/01/2001	Cần Thơ	DH19KTO02	Kế toán	6.69	TB Khá	72	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
208	192479	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	24/05/2001	Hậu Giang	DH19KTO02	Kế toán	7.17	Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
209	192499	Ngô Hoàng	Phúc	Nam	17/08/2001	Kiên Giang	DH19KTO02	Kế toán	7.76	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
210	199932	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	Nữ	10/02/2001	Hậu Giang	DH19KTO02	Kế toán	7.09	Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
211	198905	Huỳnh Diễm	Quỳnh	Nữ	20/10/2001	Cần Thơ	DH19KTO02	Kế toán	8.16	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
212	199434	Lê Thị Gia	Quỳnh	Nữ	13/10/2001	Đồng Tháp	DH19KTO02	Kế toán	7.00	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
213	199661	Nguyễn Hồng	Sương	Nữ	29/09/2001	Sóc Trăng	DH19KTO02	Kế toán	7.38	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
214	199061	Lê Chí	Thịnh	Nam	09/09/2001	An Giang	DH19KTO02	Kế toán	7.26	Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
215	190136	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	12/04/2001	Sóc Trăng	DH19LKT01	Luật kinh tế	8.14	Giỏi	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
216	192404	Nguyễn Tiến	Anh	Nam	07/01/2001	Kiên Giang	DH19LKT01	Luật kinh tế	7.97	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
217	191398	Hà Phước	Hải	Nam	18/04/2001	Cần Thơ	DH19LKT01	Luật kinh tế	7.37	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
218	199171	Võ Duy	Khang	Nam	03/02/2001	Cần Thơ	DH19LKT01	Luật kinh tế	7.89	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
219	198953	Ung Huỳnh Kiều	Mỹ	Nữ	15/09/2001	Sóc Trăng	DH19LKT01	Luật kinh tế	7.51	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
220	190420	Phạm Thị	Ngoan	Nữ	03/06/2001	Bạc Liêu	DH19LKT01	Luật kinh tế	7.13	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
221	191928	Nguyễn Thị Thiên	Như	Nữ	10/06/2001	An Giang	DH19LKT01	Luật kinh tế	7.89	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
222	199351	Lê Nguyễn Hạnh	Phúc	Nữ	09/12/2001	Trà Vinh	DH19LKT01	Luật kinh tế	7.85	Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
223	191424	Võ Ngọc	Quí	Nam	07/05/2001	Cà Mau	DH19LKT01	Luật kinh tế	6.89	TB Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
224	198902	Hứa Trần Ngọc	Trân	Nữ	07/01/2001	Sóc Trăng	DH19LKT01	Luật kinh tế	7.53	Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
225	199209	Nguyễn Minh	Trí	Nam	16/10/2001	Đồng Tháp	DH19LKT01	Luật kinh tế	7.98	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
226	190526	Võ Nguyễn Long	Trọng	Nam	01/01/2001	An Giang	DH19LKT01	Luật kinh tế	8.31	Giỏi	92	Xuất sắc	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
227	192510	Phùng Thị Thùy	Uyên	Nữ	30/09/2000	An Giang	DH19LKT01	Luật kinh tế	7.75	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
228	199392	Nguyễn Thị Thảo	Vân	Nữ	28/12/2001	Đồng Tháp	DH19LKT01	Luật kinh tế	8.37	Giỏi	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
229	191394	Phạm Thanh Thúy	Vy	Nữ	30/07/2001	Đồng Tháp	DH19LKT01	Luật kinh tế	8.02	Giỏi	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
230	191635	Trương Mỹ	Anh	Nữ	08/11/2001	Bạc Liêu	DH19LUA01	Luật	7.94	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
231	190482	Nguyễn Vạn	Lợi	Nam	29/05/2001	Hậu Giang	DH19LUA01	Luật	7.21	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
232	191690	Lê Thị Cẩm	Mi	Nữ	28/02/2001	Bạc Liêu	DH19LUA01	Luật	8.48	Giỏi	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
233	191167	Huỳnh Thị Kim	Ngân	Nữ	07/10/2001	Sóc Trăng	DH19LUA01	Luật	7.98	Khá	87	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
234	190064	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	29/12/2001	Cần Thơ	DH19LUA01	Luật	7.84	Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
235	190934	Lý Huỳnh Duy	Tân	Nam	07/12/2001	Kiên Giang	DH19LUA01	Luật	7.42	Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
236	191743	Ngô Cẩm	Tiên	Nữ	27/12/2001	Vĩnh Long	DH19LUA01	Luật	8.51	Giỏi	58	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
237	190254	Nguyễn Ngọc Trọng	Tính	Nam	05/01/2001	Long An	DH19LUA01	Luật	7.48	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
238	199115	Huỳnh Hiếu	Hiệp	Nam	04/05/2001	Cần Thơ	DH19LUA02	Luật	8.36	Giỏi	84	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
239	199374	Lê Quang	Huẩn	Nam	03/11/2001	Đồng Tháp	DH19LUA02	Luật	8.67	Giỏi	87	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
240	199674	Kim Thị Sa	Mênh	Nữ	15/05/2001	Trà Vinh	DH19LUA02	Luật	7.46	Khá	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
241	192560	Trần Nguyễn Hiếu	Nghĩa	Nam	17/09/2001	Sóc Trăng	DH19LUA02	Luật	7.23	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
242	199227	Bùi Trí Phương	Nguyên	Nữ	16/08/2001	Cần Thơ	DH19LUA02	Luật	7.34	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
243	192182	Nguyễn Quốc	Phòng	Nam	14/04/2000	Cà Mau	DH19LUA02	Luật	7.20	Khá	72	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
244	199411	Dương Văn	Thái	Nam	09/01/2001	Kiên Giang	DH19LUA02	Luật	7.60	Khá	83	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
245	198971	Phan Thế	Vinh	Nam	28/06/2000	Sóc Trăng	DH19LUA02	Luật	8.57	Giỏi	99	Xuất sắc	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
246	190392	Dương Khả	Ái	Nữ	25/03/2001	Sóc Trăng	DH19NNA01	Ngôn ngữ Anh	6.68	TB Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
247	191453	Phan Hoàng	Ân	Nam	03/04/2000	Đồng Tháp	DH19NNA01	Ngôn ngữ Anh	7.43	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
248	191662	Nguyễn Thị Khánh	Hà	Nữ	08/04/2001	An Giang	DH19NNA01	Ngôn ngữ Anh	6.87	TB Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
249	191336	Trần Công	Hậu	Nam	14/08/2001	Đồng Tháp	DH19NNA01	Ngôn ngữ Anh	7.85	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
250	190098	Tô Mỹ	Hoa	Nữ	01/01/2000	Cà Mau	DH19NNA01	Ngôn ngữ Anh	7.53	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
251	191129	Trần Lê Nhật	Khoa	Nam	01/08/2001	Cà Mau	DH19NNA01	Ngôn ngữ Anh	7.01	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
252	190796	Trần Thị Mỹ	Lâm	Nữ	19/12/2001	Kiên Giang	DH19NNA01	Ngôn ngữ Anh	6.84	TB Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
253	190886	Hồ Tấn	Phước	Nam	18/08/2001	An Giang	DH19NNA01	Ngôn ngữ Anh	6.97	TB Khá	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
254	191625	Nguyễn Linh	Tuấn	Nam	27/10/2001	Tiền Giang	DH19NNA01	Ngôn ngữ Anh	7.52	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
255	191665	Nguyễn Thị Bích	Tuyên	Nữ	03/04/2001	An Giang	DH19NNA01	Ngôn ngữ Anh	6.51	TB Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
256	1910044	Lê Thị Tường	Duy	Nữ	26/07/2001	An Giang	DH19NNA02	Ngôn ngữ Anh	8.31	Giỏi	85	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
257	198906	Trần Trúc	Giang	Nữ	28/08/2001	Cần Thơ	DH19NNA02	Ngôn ngữ Anh	6.78	TB Khá	89	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
258	198944	Trần Nguyễn Phương	Ngân	Nữ	19/05/2001	Cần Thơ	DH19NNA02	Ngôn ngữ Anh	7.40	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
259	199034	Bùi Nguyễn Thảo	Phương	Nữ	13/04/2001	Đồng Nai	DH19NNA02	Ngôn ngữ Anh	7.54	Khá	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
260	199254	Nguyễn Tố	Quyên	Nữ	14/11/2001	Đồng Tháp	DH19NNA02	Ngôn ngữ Anh	7.45	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
261	192411	Phạm Như	Quyền	Nữ	11/06/2001	Cà Mau	DH19NNA02	Ngôn ngữ Anh	6.51	TB Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
262	192189	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	Nữ	30/12/2001	Cần Thơ	DH19NNA02	Ngôn ngữ Anh	7.82	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
263	192281	Đặng Tường	Vi	Nữ	16/11/2001	Cà Mau	DH19NNA02	Ngôn ngữ Anh	7.99	Khá	83	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
264	191861	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	Nữ	12/08/2001	Vĩnh Long	DH19NNA03	Ngôn ngữ Anh	6.76	TB Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
265	190033	Quách Thị	Bé	Nữ	19/07/2001	Cà Mau	DH19NNA03	Ngôn ngữ Anh	6.52	TB Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
266	199638	Trương Thảo	Duy	Nữ	13/11/2001	Cà Mau	DH19NNA03	Ngôn ngữ Anh	6.66	TB Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
267	180437	Lê Minh	Kha	Nam	27/09/2000	Kiên Giang	DH19NNA03	Ngôn ngữ Anh	8.22	Giỏi	72	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
268	190534	Lâm Tâm	Như	Nữ	30/04/2000	Kiên Giang	DH19NNA03	Ngôn ngữ Anh	7.04	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
269	199646	Nguyễn Hồ Huỳnh	Như	Nữ	28/04/2001	Đồng Tháp	DH19NNA03	Ngôn ngữ Anh	6.88	TB Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
270	199637	Trần Như	Quỳnh	Nữ	17/02/2000	Bạc Liêu	DH19NNA03	Ngôn ngữ Anh	7.04	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
271	191718	Dương Công	Tôn	Nam	26/11/2001	Trà Vinh	DH19NNA03	Ngôn ngữ Anh	7.07	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
272	199160	Lê Minh	Nghĩa	Nam	03/08/1999	An Giang	DH19OTO03	Công nghệ kỹ thuật ô tô	8.90	Giỏi	98	Xuất sắc	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
273	190878	Đoàn Hoàng	Nhân	Nam	10/01/2001	Kiên Giang	DH19OTO03	Công nghệ kỹ thuật ô tô	6.92	TB Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
274	190195	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	Nữ	03/12/2001	Trà Vinh	DH19QHC01	Quan hệ công chúng	8.69	Giỏi	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
275	190113	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	Nữ	15/12/2001	Cần Thơ	DH19QHC01	Quan hệ công chúng	8.29	Giỏi	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
276	190779	Nguyễn Huỳnh	Như	Nữ	12/12/2001	Vĩnh Long	DH19QHC01	Quan hệ công chúng	8.35	Giỏi	56	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
277	190025	Lục Hoàng	Phúc	Nam	13/05/2001	Kiên Giang	DH19QHC01	Quan hệ công chúng	8.84	Giỏi	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
278	191278	Chiêm Thị Kim	Yến	Nữ	27/10/2001	Kiên Giang	DH19QHC01	Quan hệ công chúng	8.41	Giỏi	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
279	199885	Mai Trúc	Lin	Nữ	18/04/2001	Bến Tre	DH19QLD01	Quản lý đất đai	7.78	Khá	86	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
280	191831	Trần Minh	Quang	Nam	30/03/2001	Hậu Giang	DH19QLD01	Quản lý đất đai	8.18	Giỏi	90	Xuất sắc	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
281	191772	Lưu Khánh	Trình	Nam	12/08/2001	Tiền Giang	DH19QLD01	Quản lý đất đai	7.29	Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
282	190021	Nguyễn Bảo	Ân	Nam	24/07/2001	Trà Vinh	DH19QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.23	Giỏi	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
283	190701	Nguyễn Thị Thúy	Duy	Nữ	23/07/2001	Cà Mau	DH19QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.40	Giỏi	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
284	190504	Lâm	Khang	Nam	01/11/2000	Bạc Liêu	DH19QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.75	Khá	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
285	199985	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	15/04/2000	Hậu Giang	DH19QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.51	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
286	190315	Lê Kim	Ngọc	Nữ	13/07/2000	Cần Thơ	DH19QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.26	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
287	190216	Nguyễn He Ni	Pha	Nữ	28/03/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	DH19QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.15	Giỏi	83	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
288	190454	Lương Tiểu	Phụng	Nữ	31/01/2001	An Giang	DH19QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.16	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
289	190510	Nguyễn Thị Bảo	Trân	Nữ	09/04/2001	Hậu Giang	DH19QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.90	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
290	190597	Trần Thị Ngọc	Trân	Nữ	07/01/2001	Vĩnh Long	DH19QTD01	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	6.83	TB Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
291	191417	Trần Trường	An	Nam	21/03/2001	Sóc Trăng	DH19QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.55	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
292	190763	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	Nữ	17/02/2001	Kiên Giang	DH19QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.47	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
293	190908	Lý Thị Hồng	Duy	Nữ	07/12/2001	Sóc Trăng	DH19QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.83	Giỏi	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
294	199612	Dương Thị Mỹ	Duyên	Nữ	02/09/2001	Hậu Giang	DH19QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.78	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
295	199839	Trà Vũ	Kha	Nam	01/02/2001	Cà Mau	DH19QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.60	Giỏi	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
296	191148	Nguyễn Hồng	Minh	Nữ	27/01/2001	Cà Mau	DH19QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.28	Giỏi	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
297	191344	Hà Thảo	Nguyên	Nữ	21/12/2001	Cà Mau	DH19QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.42	Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
298	191144	Nguyễn Hồ Ngọc	Thảo	Nữ	15/06/2001	Cà Mau	DH19QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.38	Giỏi	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
299	191166	Phạm Trần Yến	Thuy	Nữ	25/02/2001	Tiền Giang	DH19QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.57	Giỏi	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
300	190853	Trương Ngọc	Tiền	Nữ	06/10/2001	An Giang	DH19QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.08	Giỏi	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
301	199721	Phạm Thị Thanh	Trúc	Nữ	19/10/2001	Cần Thơ	DH19QTD02	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.66	Giỏi	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
302	191747	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	12/11/2001	Sóc Trăng	DH19QTD03	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.14	Giỏi	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
303	191637	Nguyễn Hồng	Ngự	Nữ	09/02/2000	Cà Mau	DH19QTD03	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	9.01	Xuất sắc	86	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
304	191693	Lưu Thành	Nhân	Nam	22/10/2001	Cần Thơ	DH19QTD03	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.02	Giỏi	92	Xuất sắc	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
305	199795	Trần Cẩm	Tiên	Nữ	11/06/2001	Cà Mau	DH19QTD03	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.94	Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
306	199896	Cao Thị Lan	Anh	Nữ	26/10/2001	Đồng Tháp	DH19QTD04	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.00	Giỏi	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
307	199975	Nguyễn Văn	Đức	Nam	11/11/2000	An Giang	DH19QTD04	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.54	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
308	191457	Lê Thị Thảo	Linh	Nữ	02/11/2001	Trà Vinh	DH19QTD04	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7.63	Khá	63	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
309	198883	Trần Thị Kiều	Trang	Nữ	04/11/2001	Hậu Giang	DH19QTD04	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8.02	Giỏi	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
310	199393	Huỳnh Thùy	An	Nữ	26/03/2001	Cà Mau	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.54	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
311	190132	Trần Thị Hoàng	Châu	Nữ	10/07/2001	Vĩnh Long	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	8.73	Giỏi	84	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
312	190077	Bạch Hồng	Chương	Nam	16/11/2001	Đồng Tháp	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	8.38	Giỏi	88	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
313	190159	Hồng Như	Hảo	Nữ	23/02/2001	Cà Mau	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	8.20	Giỏi	84	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
314	190185	Phạm Minh	Khương	Nam	15/09/2001	Sóc Trăng	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.65	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
315	190115	Lê Thị Diễm	Kiều	Nữ	12/04/2001	Sóc Trăng	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	8.16	Giỏi	86	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
316	190213	Thái Văn	Luân	Nam	25/03/2001	Kiên Giang	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.76	Khá	84	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
317	190194	Dương Trung	Lương	Nam	28/10/2001	Kiên Giang	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.08	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
318	190278	Trần Minh	Mẫn	Nam	13/12/2001	Vĩnh Long	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.27	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
319	190089	Nguyễn Chí	Nguyễn	Nam	20/09/2001	Hậu Giang	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.14	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
320	190209	Lữ Ngọc Thùy	Nhung	Nữ	30/03/2001	Đồng Tháp	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.75	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
321	190289	Lê Thanh	Phong	Nam	10/04/2001	Đồng Tháp	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.78	Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
322	190108	Lê Tiểu	Phụng	Nữ	20/02/2001	Cần Thơ	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.77	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
323	190253	Võ Tú	Quyên	Nữ	01/04/2000	Cà Mau	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.06	Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
324	190147	Nguyễn Quang	Trung	Nam	23/09/2001	An Giang	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	6.55	TB Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
325	190190	Trà Thị Cẩm	Tường	Nữ	01/01/2001	Sóc Trăng	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.64	Khá	65	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
326	190026	Huỳnh Văn Quốc	Vinh	Nam	16/12/2001	Vĩnh Long	DH19QTK01	Quản trị kinh doanh	7.03	Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
327	190731	Mai Trường	Dẻo	Nam	20/08/2001	Cà Mau	DH19QTK02	Quản trị kinh doanh	7.50	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
328	190506	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	14/05/2001	Vĩnh Long	DH19QTK02	Quản trị kinh doanh	7.43	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
329	190317	Võ Thị Kim	Ngân	Nữ	22/10/2001	Kiên Giang	DH19QTK02	Quản trị kinh doanh	7.45	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
330	190343	Cao Kiều	Trung	Nam	30/04/1998	Trà Vinh	DH19QTK02	Quản trị kinh doanh	7.39	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
331	191339	Phan Văn	Tuấn	Nam	06/11/2001	Cần Thơ	DH19QTK02	Quản trị kinh doanh	7.53	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
332	190656	Trần Thị Kim	Vân	Nữ	12/01/2001	Kiên Giang	DH19QTK02	Quản trị kinh doanh	8.39	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
333	190336	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	05/02/2001	Bạc Liêu	DH19QTK02	Quản trị kinh doanh	6.94	TB Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
334	199506	Võ Thị Cẩm	Giang	Nữ	17/11/2001	Cần Thơ	DH19QTK03	Quản trị kinh doanh	8.24	Giỏi	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
335	190922	Trần Hữu	Phước	Nam	22/06/2001	Kiên Giang	DH19QTK03	Quản trị kinh doanh	6.87	TB Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
336	190859	Trần	Thành	Nam	06/02/2001	Kiên Giang	DH19QTK03	Quản trị kinh doanh	7.11	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
337	191115	Nguyễn Nhựt	Thư	Nữ	22/05/2001	Cà Mau	DH19QTK03	Quản trị kinh doanh	8.15	Giỏi	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
338	191187	Trần Thị Minh	Thư	Nữ	06/01/2001	Bạc Liêu	DH19QTK03	Quản trị kinh doanh	7.38	Khá	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
339	190962	Châu Kim	Trang	Nữ	23/12/2001	Cà Mau	DH19QTK03	Quản trị kinh doanh	7.37	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
340	191242	Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	09/01/2001	Đồng Tháp	DH19QTK03	Quản trị kinh doanh	8.01	Giỏi	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
341	191337	Nguyễn Thúy	An	Nữ	09/06/2001	An Giang	DH19QTK04	Quản trị kinh doanh	7.79	Khá	84	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
342	191592	Nguyễn Phúc Khang	An	Nam	20/09/2001	Kiên Giang	DH19QTK04	Quản trị kinh doanh	6.89	TB Khá	88	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
343	191565	Nguyễn Thị Trang	Anh	Nữ	02/02/2001	Vĩnh Long	DH19QTK04	Quản trị kinh doanh	7.25	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
344	191279	Danh Thị	Hạnh	Nữ	09/09/2001	Kiên Giang	DH19QTK04	Quản trị kinh doanh	7.08	Khá	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
345	191431	Nguyễn Trung	Hào	Nam	05/04/2001	An Giang	DH19QTK04	Quản trị kinh doanh	7.07	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
346	191712	Trần Nguyễn Tuyết	Hòa	Nữ	03/01/2001	Cần Thơ	DH19QTK04	Quản trị kinh doanh	7.65	Khá	82	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
347	199554	Đỗ Trần Gia	Khánh	Nam	01/01/2001	Cần Thơ	DH19QTK04	Quản trị kinh doanh	7.86	Khá	84	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
348	199873	Trần Thị Diễm	Trinh	Nữ	18/09/2001	Long An	DH19QTK04	Quản trị kinh doanh	7.67	Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
349	199555	Bành Ngọc	Ý	Nữ	14/01/2001	Cần Thơ	DH19QTK04	Quản trị kinh doanh	7.51	Khá	92	Xuất sắc	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
350	192050	Huỳnh Thị Ngọc	Yến	Nữ	01/01/1999	Đồng Tháp	DH19QTK04	Quản trị kinh doanh	7.00	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
351	199347	Lê Phương	Ngọc	Nữ	06/04/2001	Cần Thơ	DH19QTK05	Quản trị kinh doanh	7.43	Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
352	199215	Nguyễn Thị	Nhân	Nữ	27/01/2000	Kiên Giang	DH19QTK05	Quản trị kinh doanh	6.65	TB Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
353	199138	Trương Thái Cẩm	Nhi	Nữ	24/08/2001	Cần Thơ	DH19QTK05	Quản trị kinh doanh	7.53	Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
354	192507	Thái Chí	Đại	Nam	16/11/1999	Cà Mau	DH19QTK06	Quản trị kinh doanh	7.10	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
355	192293	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	15/02/2001	Bạc Liêu	DH19QTK06	Quản trị kinh doanh	7.13	Khá	65	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
356	192268	Trương Thị Phương	Dung	Nữ	01/04/2001	An Giang	DH19QTK06	Quản trị kinh doanh	7.25	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
357	192550	Võ Thị Bích	Duy	Nữ	01/02/2001	Kiên Giang	DH19QTK06	Quản trị kinh doanh	7.49	Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
358	192356	Lê Kim	Huỳnh	Nữ	20/08/2001	Sóc Trăng	DH19QTK06	Quản trị kinh doanh	7.05	Khá	65	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
359	192376	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	Nữ	30/08/2001	Kiên Giang	DH19QTK06	Quản trị kinh doanh	7.57	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
360	199586	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	28/01/2001	Đồng Tháp	DH19QTK06	Quản trị kinh doanh	6.82	TB Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
361	198937	Nguyễn Kim	Quyên	Nữ	19/02/2001	Cần Thơ	DH19QTK06	Quản trị kinh doanh	7.71	Khá	57	Trung bình	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
362	192442	Bao Công	Viên	Nam	06/11/2000	Cà Mau	DH19QTK06	Quản trị kinh doanh	6.95	TB Khá	72	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
363	191483	Lý Hồng	Thư	Nữ	29/10/2001	Cần Thơ	DH19QTN01	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	8.18	Giỏi	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
364	190297	Phạm Hoài	Bảo	Nam	25/01/2001	Sóc Trăng	DH19QTS01	Quản trị khách sạn	7.57	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
365	190909	Đỗ Y	Bình	Nữ	02/01/2001	Sóc Trăng	DH19QTS01	Quản trị khách sạn	7.66	Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
366	199228	Giăng Thị Bích	Ngân	Nữ	11/05/2001	Kiên Giang	DH19QTS01	Quản trị khách sạn	7.90	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
367	190624	Phan Thị	Ý	Nữ	28/09/2000	An Giang	DH19QTS01	Quản trị khách sạn	7.90	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
368	191000	Nguyễn Thị Bích	Du	Nữ	24/09/2001	Cà Mau	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	8.17	Giỏi	86	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
369	190288	Trần Gia	Huy	Nam	11/03/2001	Kiên Giang	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	8.00	Giỏi	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
370	190781	Trần Văn	Khang	Nam	01/01/2001	Kiên Giang	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.04	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
371	190635	Phan Lê	Minh	Nam	26/09/2001	Đồng Tháp	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.37	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
372	190760	Nguyễn Thị	Ngân	Nữ	07/01/2001	Cà Mau	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.22	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
373	191193	Trương Mỹ	Ngân	Nữ	17/04/2001	Bạc Liêu	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	8.15	Giỏi	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
374	190697	Lê Hoàng	Nghĩa	Nam	29/12/2001	Cà Mau	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.04	Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
375	190755	Trần Khắc	Nguyên	Nam	26/03/2001	Cà Mau	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.18	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
376	190368	Huỳnh Tố	Nha	Nữ	26/10/2000	Cà Mau	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	8.51	Giỏi	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
377	191052	Trần Hữu	Phát	Nam	10/03/2001	Kiên Giang	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.20	Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
378	191192	Lý Thanh	Thảo	Nữ	01/01/2000	Bạc Liêu	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.05	Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
379	190187	Võ Thị Huỳnh	Trân	Nữ	07/12/2001	Sóc Trăng	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.88	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
380	190258	Lê Thanh Thảo	Trinh	Nữ	02/03/2001	Sóc Trăng	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.85	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
381	191432	Trần Xuân	Trường	Nam	01/03/2001	Cà Mau	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.38	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
382	191366	Lê Trọng	Văn	Nam	20/12/2001	Kiên Giang	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.11	Khá	78	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
383	190955	Trịnh Thị Yến	Xuân	Nữ	05/06/2001	Sóc Trăng	DH19TCN01	Tài chính - Ngân hàng	7.03	Khá	67	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
384	191830	Lê Trương Anh	Hào	Nam	20/04/2001	Cần Thơ	DH19TCN02	Tài chính - Ngân hàng	6.29	TB Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
385	188523	Lê Phước	Thành	Nam	23/04/2000	Cần Thơ	DH19TCN02	Tài chính - Ngân hàng	6.61	TB Khá	81	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
386	191711	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	28/03/2000	Cà Mau	DH19TCN02	Tài chính - Ngân hàng	7.06	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
387	199221	Quách Huyền	Thư	Nữ	10/01/2001	Sóc Trăng	DH19TCN02	Tài chính - Ngân hàng	7.79	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
388	198970	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	23/06/2001	Hưng Yên	DH19TCN02	Tài chính - Ngân hàng	7.89	Khá	76	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
389	199240	Nguyễn Thị Hồng	Trinh	Nữ	10/03/2001	Vĩnh Long	DH19TCN02	Tài chính - Ngân hàng	7.81	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
390	191479	Phan Triệu	Vy	Nữ	12/07/2001	Cà Mau	DH19TCN02	Tài chính - Ngân hàng	7.11	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
391	190590	Lê Tuyết	Đoan	Nữ	02/12/2001	Cà Mau	DH19TIN01	Công nghệ thông tin	7.29	Khá	86	Tốt	Đạt	Miễn	Đạt	Đạt	Cử nhân
392	190612	Trần Diễm	Huỳnh	Nữ	26/08/2001	Cà Mau	DH19TIN01	Công nghệ thông tin	7.12	Khá	82	Tốt	Đạt	Miễn	Đạt	Đạt	Cử nhân
393	190472	Nguyễn Dĩ	Khang	Nam	22/08/2001	Hậu Giang	DH19TIN01	Công nghệ thông tin	6.65	TB Khá	73	Khá	Đạt	Miễn	Đạt	Đạt	Cử nhân
394	190270	Nguyễn Đình	Khuyến	Nam	15/02/2000	Cà Mau	DH19TIN01	Công nghệ thông tin	6.61	TB Khá	72	Khá	Đạt	Miễn	Đạt	Đạt	Cử nhân
395	190269	Huỳnh Phương	Thy	Nữ	02/10/2001	Cần Thơ	DH19TIN01	Công nghệ thông tin	7.17	Khá	75	Khá	Đạt	Miễn	Đạt	Đạt	Cử nhân
396	191699	Lê Hữu	Luân	Nam	26/10/2001	Đồng Tháp	DH19TIN03	Công nghệ thông tin	6.74	TB Khá	81	Tốt	Đạt	Miễn	Đạt	Đạt	Cử nhân
397	199263	Lư Vỹ	Khang	Nam	21/06/2001	Trà Vinh	DH19TIN04	Công nghệ thông tin	7.29	Khá	79	Khá	Đạt	Miễn	Đạt	Đạt	Cử nhân
398	190517	Phan Thị Ngọc	Cẩm	Nữ	22/08/2001	Kiên Giang	DH19XET01	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.23	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
399	190756	Nguyễn Văn Tuấn	Duy	Nam	25/04/2001	Bến Tre	DH19XET01	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.89	TB Khá	72	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
400	190721	Đặng Thị Ngọc	Hân	Nữ	10/05/2001	Vĩnh Long	DH19XET01	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.41	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
401	190009	Lê Thị Mỹ	Linh	Nữ	26/02/2001	Cần Thơ	DH19XET01	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.12	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
402	1910006	Hà Thanh	Nhi	Nữ	22/08/2001	Cần Thơ	DH19XET01	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.21	Khá	75	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
403	190729	Phan Nhã	Phương	Nữ	03/07/2001	Cà Mau	DH19XET01	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.00	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
404	190246	Nguyễn Minh	Tân	Nam	06/07/2001	Tiền Giang	DH19XET01	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.09	Khá	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
405	199525	Nguyễn Hoàng Yến	Thanh	Nữ	26/02/2001	Kiên Giang	DH19XET01	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.97	TB Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
406	190018	Chung Thị Mỹ	Tiên	Nữ	25/02/2001	Đồng Tháp	DH19XET01	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.86	TB Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
407	191010	Âu Thanh	Bình	Nam	11/11/2001	An Giang	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.77	TB Khá	69	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
408	1910009	Lê Thị	Gấm	Nữ	15/04/2001	Cà Mau	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.45	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
409	191920	Đinh Thanh	Huyền	Nữ	08/02/2001	Kiên Giang	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.14	Khá	70	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
410	191487	Trần Bảo	Long	Nam	18/11/2001	Bạc Liêu	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	6.93	TB Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
411	191026	Nguyễn Thị Thắm	Mỹ	Nữ	08/06/2001	Cần Thơ	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.32	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
412	192434	Huỳnh	Như	Nữ	12/11/2001	Cà Mau	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.17	Khá	79	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp	Ngành	Học lực		Rèn luyện		Chuẩn đầu ra				Danh hiệu
									Điểm 10	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Anh văn	Tin học	KNM	KNNN	
413	191643	Huỳnh Phạm Mộng	Thuyên	Nữ	13/07/2001	Tiền Giang	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	8.63	Giỏi	77	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
414	191723	Nguyễn Lâm Tân Kim	Tín	Nữ	28/01/2001	Bạc Liêu	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.42	Khá	72	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
415	192018	Lê Thị Tuyết	Trang	Nữ	23/09/2001	An Giang	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.47	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
416	191710	Lê Phương	Trinh	Nữ	22/09/2001	Cà Mau	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.46	Khá	73	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
417	190848	Dương Thị Thanh	Trúc	Nữ	04/03/2001	Sóc Trăng	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.16	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
418	191007	Nguyễn Tường	Vi	Nữ	07/06/2001	Hậu Giang	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.07	Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
419	191461	Nguyễn Thụy Tường	Vy	Nữ	03/12/2001	Hậu Giang	DH19XET02	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.48	Khá	74	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
420	192315	Đào Ngọc	Bích	Nữ	16/05/2001	Cà Mau	DH19XET03	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.29	Khá	88	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
421	192521	Nguyễn Thị Trúc	Ly	Nữ	28/04/2001	Kiên Giang	DH19XET03	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.94	Khá	83	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
422	199152	Phạm Thị Tuyết	Mai	Nữ	26/10/2001	Vĩnh Long	DH19XET03	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.64	Khá	83	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
423	199054	Trần Thái Thủy	Ngân	Nữ	28/06/2001	Đồng Tháp	DH19XET03	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.39	Khá	71	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
424	1910010	Phan Thảo	Nghi	Nữ	23/10/2001	Đồng Tháp	DH19XET03	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.11	Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
425	192467	Bùi Anh	Thy	Nữ	05/09/2001	Vĩnh Long	DH19XET03	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.14	Khá	66	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
426	198934	Nguyễn Thị Diệu	Trang	Nữ	28/03/2001	Long An	DH19XET03	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.35	Khá	80	Tốt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân
427	192166	Âu Thế	Vy	Nam	27/12/2001	Cà Mau	DH19XET03	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7.43	Khá	68	Khá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Cử nhân

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

TS. Nguyễn Văn Quang